|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND | *Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một phần quy định tại các Quyết định**

**của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực môi trường**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

## *Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số ......./TTr-SNNMT ngày ..... tháng .... năm 2025,*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định sửa đổi, thay thế, bãi bỏ một phần các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực môi trường.*

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 38/2022/QĐ-UBNDngày 15/12/2022ban hành quy định về thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (bao gồm cả Quy định ban hành kèm theo Quyết định):

1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định như sau:

*“Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành,* ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”*

2. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“d) *Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ kinh phí đầu tư, nâng cấp, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải rắn y tế đối với các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý.”*

3. Sửa đổi khoản 7 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“7. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

*a) Phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ thức thực hiện Quy định này; tổ chức kiểm tra, quản lý đầu tư xây dựng và vận hành mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn y tế theo thẩm quyền;*

*b) Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải rắn y tế cho các đối tượng liên quan trên địa bàn quản lý.”*

Điều 2. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 26/2023/QĐ-UBNDngày 19/12/2023ban hành quy định về quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (bao gồm cả Quy định ban hành kèm theo Quyết định):

1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định như sau:

*“Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành,* ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này”.*

2. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

*“a) Đơn vị thu gom, vận chuyển sử dụng loa, chuông, kẻng hoặc hình thức thông báo khác khi đến điểm tập kết chất thải, phương thức thông báo và thời gian vận chuyển được* ***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *quy định.”*

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

*“2. Tần suất thu gom, vận chuyển*

***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *phối hợp với đơn vị thu gom, vận  
chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất  
thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng, đảm bảo các quy định sau đây:*

*a) Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế: Chủ nguồn thải chủ động thu gom và chuyển giao cho các cơ sở tái chế tùy theo khối lượng phát sinh.*

*b) Chất thải thực phẩm: đối với khu vực đông dân cư (khu vực có nhiều  
nhà dân liền kề khoảng cách trung bình giữa các lối ra vào nhà dưới 10m; có biển báo khu đông dân cư “R.420”), trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu vực khác tần suất thu gom tối thiểu là 01 ngày/01 lần.*

*c) Chất thải rắn sinh hoạt khác:*

*Chất thải nguy hại:* ***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *căn cứ điều kiện thực tế của địa phương hàng năm ký hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, tần suất và thời gian thu gom, vận chuyển, xử lý tùy thuộc vào khối lượng chất thải nguy hại phát sinh phát sinh được phân loại.*

*Chất thải cồng kềnh: việc thu gom, vận chuyển được thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển.*

*Các loại chất thải còn lại: việc thu gom, tần suất thu gom tùy điều kiện thực tế từng địa phương và khối lượng chất thải rắn phát sinh, tần suất thu gom tối thiểu 01 ngày/01 lần.”*

4. Sửa đổi khoản 2 và tiết đầu điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

*“2. Biện pháp xử lý chất thải thực phẩm: tùy điều kiện của chủ nguồn thải, chủ nguồn thải tự xử lý tại gia đình như ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình,* ***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *yêu cầu đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý tập trung tại khu xử lý bằng phương pháp làm phân bón hữu cơ, đốt, hoặc chôn lấp hợp vệ sinh*

*3. Biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt khác:*

*a) Chất thải nguy hại*

*Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương,* ***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý chất thải nguy hại cho toàn huyện”.*

5. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“*đ) Chủ trì, phối hợp với* ***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *và các cơ quan liên quan xây dựng quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.”*

6. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

*“b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các điểm tập kết, trạm trung  
chuyển, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành; hướng  
dẫn* ***Ủy ban nhân dân các xã, phường*** *công bố danh mục vị trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong các đô thị và điểm dân cư tập trung nông thôn bảo đảm vệ sinh môi trường phù hợp với quy định pháp luật.”*

7. Sửa đổi các điểm a, c, d khoản 17 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

*“a) Phối hợp với* ***Ủy ban nhân dân xã, phường****, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố rộng rãi.*

*c) Đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển do* ***Ủy ban nhân dân xã, phường*** *lựa chọn thông qua qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật: ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt; thu gom vận chuyển đến cơ sở xử lý do địa phương lựa chọn theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường; thanh toán chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương, trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được phân loại theo đúng quy định.*

*d) Đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển không do* ***Ủy ban nhân  
dân các xã, phường*** *lựa chọn nhưng có hợp đồng chuyển giao chất thải rắn  
sinh hoạt cho đơn vị vận chuyển do* ***Ủy ban nhân dân xã, phường*** *lựa chọn  
theo quy định có trách nhiệm: ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử  
lý với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh  
doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt;  
phải thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung  
chuyển hoặc đơn vị xử lý bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ  
thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; thanh toán chi phí vận  
chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của chính quyền địa  
phương, trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được phân loại theo đúng  
quy định”.*

Điều 3. Sửa đổi một điều của Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 04/12/2021 của Uỷ ban nhân tỉnh Lạng Sơn về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn:

1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định như sau:

*“****Điều 3. Phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp***

*1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thu phí của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh có phát sinh nước thải công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan ngang Bộ (trừ Bộ Công an và Bộ Quốc phòng) quản lý hồ sơ về môi trường trên địa bàn tỉnh (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường và các hồ sơ môi trường tương đương) thuộc đối tượng chịu phí theo quy định.*

*2. Phòng Kinh tế (đối với xã); phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) tổ chức thu phí của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn có phát sinh nước thải công nghiệp do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý hồ sơ môi trường (Đăng ký môi trường và các hồ sơ môi trường tương đương) và các đối tượng có phát sinh nước thải công nghiệp không thuộc diện phải lập hồ sơ môi trường trên địa bàn quản lý thuộc đối tượng chịu phí theo quy định.”*

Điều 4. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Quyết định số 38/2022/QĐ-UBNDngày 15/12/2022ban hành quy định về thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn:

1. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại tiêu đề khoản 2 Điều 13 và tại điểm b khoản 6 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

**Điều 5.** Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Quyết định số 26/2023/QĐ-UBNDngày 19/12/2023ban hành quy định về quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn:

1. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại tiêu đề khoản 1, điểm c khoản 2, điểm a và b khoản 3 Điều 8, tiết cuối khoản 19 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

2. Thay thế cụm từ “*Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lạng Sơn”* bằng cụm từ “*Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh*” tại tiêu đề khoản 13 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

3. Bỏ cụm từ *“Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố”* tại tiết đầu khoản 19 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

4. Bãi bỏ khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 14 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

**Điều 6.** Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ của Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 04/12/2021 của Uỷ ban nhân tỉnh Lạng Sơn về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn:

1. Thay thế cụm từ “*Sở Tài nguyên và Môi trường”* bằng cụm từ *“Sở Nông nghiệp và Môi trường”* tại Điều 2; khoản 1, khoản 5 Điều 4; khoản 1, khoản 2 Điều 6.

2. Thay thế cụm từ *“Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện)”* bằng cụm từ *“Phòng Kinh tế (đối với xã); phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)”* tại Điều 2.

3. Thay thế cụm từ *“Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện”* bằng cụm từ *“Phòng Kinh tế (đối với xã); phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)”* tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 4.

4. Thay thế cụm từ *“Kho bạc Nhà nước tỉnh”* bằng cụm từ “*Kho bạc Nhà nước khu vực VI”* tại điểm b khoản 1 Điều 4; khoản 3 Điều 6.

5. Thay thế cụm từ *“Cục Thuế tỉnh”* bằng cụm từ *“Chi cục Thuế khu vực VI”* tại điểm b khoản 1 Điều 4;

6. Thay thế cụm từ *“Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố”* bằng cụm từ *“Ủy ban nhân dân các xã, phường”* và thay thế cụm từ *“các phòng chuyên môn và các cơ quan liên quan cấp huyện”* bằng cụm từ *“các phòng chuyên môn và các cơ quan liên quan cấp xã”* tại khoản 3 Điều 4.

7. Thay thế cụm từ *“cơ quan tài nguyên môi trường”* bằng cụm từ *“cơ quan thu phí”* tại khoản 4 Điều 4.

8. Thay thế cụm từ *“Tài nguyên và Môi trường”* bằng cụm từ *“Nông nghiệp và Môi trường”* tại khoản 3 Điều 6.

9. Thay thế cụm từ *“Cục trưởng Cục Thuế”* bằng cụm từ *“Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực VI”* tại khoản 3 Điều 6.

10. Thay thế cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố”* bằng cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường”* tại khoản 3 Điều 6.

11. Bỏ cụm từ *“Phòng Tài chính - Kế hoạch”* tại điểm b khoản 2 Điều 4.

**Điều 7.** Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định số 38/2022/QĐ-UBNDngày 15/12/2022; Quyết định số 26/2023/QĐ-UBNDngày 19/12/2023 và Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 04/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng sơn.

**Điều 8.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Văn phòng Chính phủ (B/c);  - Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;  - Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh Lạng Sơn;  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;  - Cổng TTĐT tỉnh, Báo và Đài PTTH Lạng Sơn;  - PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TT thông tin;  - Lưu: VT, KTCN(............). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Hồ Tiến Thiệu** |